

Số: 8056/QĐ-NHCS

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục giải quyết công việc mới ban hành, thủ tục giải quyết công việc bị bãi bỏ lĩnh vực hoạt động tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Ngân hàng Chính sách xã hội

TỔNG GIÁM ĐỐC NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI

Căn cứ Quyết định số 131/2002/QĐ-TTg ngày 04/10/2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH);

Căn cứ Điều lệ về tổ chức và hoạt động của NHCSXH ban hành kèm theo Quyết định số 16/2003/QĐ-TTg ngày 22/01/2003 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ văn bản số 705/NHCS-PC ngày 12/02/2018 của Tổng Giám đốc NHCSXH hướng dẫn thực hiện kiểm soát thủ tục giải quyết công việc của NHCSXH;

Xét đề nghị của Giám đốc các Ban: Pháp chế, Tín dụng học sinh, sinh viên và các đối tượng chính sách khác, Tín dụng người nghèo

QUYẾT ĐỊNH:

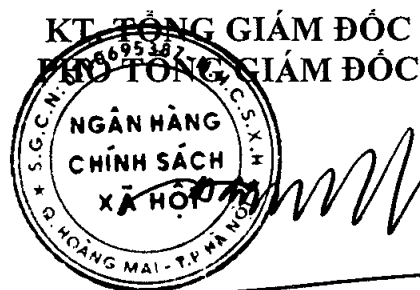
Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 08 thủ tục giải quyết công việc (TTGQCV) mới được ban hành và bãi bỏ 19 TTGQCV lĩnh vực hoạt động tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của NHCSXH (Danh mục TTGQCV mới được ban hành và danh mục TTGQCV bị bãi bỏ tại phần A phụ lục kèm theo Quyết định này; nội dung các TTGQCV mới được ban hành tại phần B phụ lục kèm Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các TTGQV công bố tại Quyết định này được công khai trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính và niêm yết công khai tại NHCSXH theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng NHCSXH, Giám đốc các Ban chuyên môn nghiệp vụ tại Hội sở chính; Trung tâm đào tạo, Trung tâm Công nghệ thông tin, Sở giao dịch, Chi nhánh NHCSXH các tỉnh, thành phố và các tổ chức, các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. ✓

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC - VPCP (b/cáo);
- Tổng Giám đốc (báo cáo);
- Trưởng BKS; các Phó TGD, KTT;
- Website NHCSXH (Ban PC);
- TTCNTT: truyền filetrans cho chi nhánh; NHCSXH tỉnh, thành phố;
- Lưu: VT, TDSV, TDNN, PC.



Nguyễn Đức Hải

THỦ TỤC GIẢI QUYẾT CÔNG VIỆC
THUỘC THẨM QUYỀN CỦA NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI
(Ban hành kèm theo Quyết định số 8056/QĐ-NHCS ngày 30/10/2019
của Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội)

Phần A

DANH MỤC THỦ TỤC GIẢI QUYẾT CÔNG VIỆC

I. Danh mục các TTGQCV mới ban hành thuộc thẩm quyền giải quyết của NHCSXH.

| Số TT | Tên thủ tục | Lĩnh vực | Cơ quan thực hiện |
|-------|--|--------------------|---|
| 1 | Thủ tục vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh (<i>Doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh</i>) | Hoạt động Tín dụng | NHCSXH nơi thực hiện thủ tục (<i>cấp tỉnh, cấp huyện</i>) |
| 2 | Thủ tục vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm đối với người lao động vay trực tiếp tại trụ sở NHCSXH nơi thực hiện thủ tục. | Như trên | Như trên |
| 3 | Thủ tục vay vốn trực tiếp người lao động để hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm có ủy thác một số nội dung công việc trong quy trình cho vay cho các tổ chức chính trị - xã hội thông qua Tổ Tiết kiệm và vay vốn | Như trên | Như trên |
| 4 | Thủ tục điều chỉnh kỳ hạn trả nợ đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh (<i>Doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh</i>) | Như trên | Như trên |
| 5 | Thủ tục gia hạn nợ đối với người lao động và cơ sở sản xuất, kinh doanh (<i>Doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh</i>) vay trực tiếp. | Như trên | Như trên |
| 6 | Thủ tục cho vay người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng | Như trên | Như trên |
| 7 | Thủ tục điều chỉnh kỳ hạn trả nợ đối người vay vốn không thuộc huyện nghèo đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng lao động | Như trên | Như trên |
| 8 | Thủ tục gia hạn nợ đối với người vay vốn đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng | Như trên | Như trên |

II. Danh mục các TTGQCV bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của NHCSXH.

| Số TT | Mã TTGQC V | Tên TTGQCV | Tên văn bản quy định việc bãi bỏ TTGQCV | Lĩnh vực | Cơ quan thực hiện |
|-------|------------|---|--|--------------------|--|
| 1 | 2.000811 | Thủ tục thẩm định, phê duyệt cho vay trực tiếp hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm có ủy thác một số nội dung công việc trong quy trình cho vay cho các tổ chức chính trị - xã hội thông qua Tổ Tiết kiệm và vay vốn (nguồn vốn do UBND cấp tỉnh, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Nông dân Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam quản lý) | Văn bản số 8055/NHCS-TDSV ngày 30/10/2019 của Tổng Giám đốc NHCSXH hướng dẫn nghiệp vụ cho vay Hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm. | Hoạt động tín dụng | NHCSXH nơi thực hiện thủ tục (cấp tỉnh, cấp huyện) |
| 2 | 2.000842 | Thủ tục thẩm định, phê duyệt cho vay trực tiếp hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm đối với người lao động hoặc hộ gia đình vay vốn cho người lao động bị thu hồi đất theo Quyết định số 63/2015/QĐ-TTg ngày 10/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ (từ nguồn vốn do Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam, Liên minh Hợp tác xã Việt Nam và Hội người mù Việt Nam quản lý). | Như trên | Như trên | Như trên |
| 3 | 2.000845 | Thủ tục thẩm định, phê duyệt cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh (Doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh) vay vốn trực tiếp | Như trên | Như trên | Như trên |

| | | | | | |
|---|----------|--|---|--------------------|--|
| 4 | 2.000876 | Thủ tục thẩm định, phê duyệt vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm đối với hộ gia đình bị thu hồi đất theo Quyết định số 63/2015/QĐ-TTg ngày 10/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ, cho vay trực tiếp có ủy thác một số nội dung công việc trong quy trình cho vay cho các tổ chức chính trị - xã hội thông qua Tổ Tiết kiệm và vay vốn (nguồn vốn do UBND cấp tỉnh, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Nông dân Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam quản lý). | Như trên | Như trên | Như trên |
| 5 | 2.000915 | Thủ tục thẩm định, phê duyệt cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm đối với người lao động hoặc hộ gia đình vay vốn cho người lao động vay trực tiếp (từ nguồn vốn do Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam, Liên minh Hợp tác xã Việt Nam và Hội người mù Việt Nam quản lý) | Như trên | Như trên | Như trên |
| 6 | 2.002151 | Thủ tục phê duyệt cho vay người lao động thuộc huyện nghèo đi xuất khẩu lao động | Văn bản số 7886/NHCS-TDNN ngày 24/10/2019 hướng dẫn nghiệp vụ cho vay đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng | Hoạt động tín dụng | NHCSXH nơi thực hiện thủ tục (cấp tỉnh, cấp huyện) |
| 7 | 1.002103 | Thủ tục phê duyệt cho vay đến 50 triệu đồng đối với người lao động độc | Như trên | Như trên | Như trên |

| | | | | | |
|----|----------|--|----------|----------|----------|
| | | thân đi làm việc ở nước ngoài theo Nghị định số 61/2015/NĐ-CP | | | |
| 8 | 2.000904 | Thủ tục thẩm định, phê duyệt cho vay trên 50 triệu đồng đối với người lao động độc thân vay vốn đi làm việc ở nước ngoài theo Nghị định số 61/2015/NĐ-CP | Như trên | Như trên | Như trên |
| 9 | 2.002148 | Thủ tục phê duyệt cho vay đến 50 triệu đồng đối với hộ gia đình vay vốn đi làm việc ở nước ngoài theo Nghị định số 61/2015/NĐ-CP | Như trên | Như trên | Như trên |
| 10 | 2.000891 | Thủ tục thẩm định, phê duyệt cho vay trên 50 triệu đồng đối với hộ gia đình vay vốn để đi làm việc ở nước ngoài theo Nghị định số 61/2015/NĐ-CP | Như trên | Như trên | Như trên |
| 11 | 2.000877 | Thủ tục phê duyệt cho vay đến 50 triệu đồng đối với người lao động độc thân bị thu hồi đất theo Quyết định số 63/2015/QĐ-TTg đi làm việc ở nước ngoài | Như trên | Như trên | Như trên |
| 12 | 2.000874 | Thủ tục thẩm định, phê duyệt cho vay trên 50 triệu đồng đối với người lao động độc thân bị thu hồi đất theo Quyết định số 63/2015/QĐ-TTg vay vốn để đi làm việc ở nước ngoài | Như trên | Như trên | Như trên |
| 13 | 2.000848 | Thủ tục phê duyệt cho vay đến 50 triệu đồng đối với hộ gia đình bị thu hồi đất theo Quyết định số 63/2015/QĐ-TTg đi làm việc ở nước ngoài | Như trên | Như trên | Như trên |

| | | | | | |
|----|----------|---|----------|----------|----------|
| 14 | 2.000836 | Thủ tục thẩm định, phê duyệt cho vay trên 50 triệu đồng đối với hộ gia đình bị thu hồi đất theo Quyết định số 63/2015/QĐ-TTg vay vốn để đi làm việc ở nước ngoài | Như trên | Như trên | Như trên |
| 15 | 2.000896 | Thủ tục phê duyệt cho vay đối với hộ gia đình tại huyện nghèo theo Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 bị thu hồi đất theo Quyết định số 63/2015/QĐ-TTg vay vốn để đi làm việc ở nước ngoài | Như trên | Như trên | Như trên |
| 16 | 2.000707 | Thủ tục phê duyệt cho vay đến 50 triệu đồng đối với người lao động độc thân thuộc hộ nghèo, người dân tộc thiểu số đi làm việc ở nước ngoài | Như trên | Như trên | Như trên |
| 17 | 2.002149 | Thủ tục thẩm định, phê duyệt cho vay trên 50 triệu đồng đối với người lao động độc thân thuộc hộ nghèo, người dân tộc thiểu số đi làm việc ở nước ngoài | Như trên | Như trên | Như trên |
| 18 | 2.000933 | Thủ tục phê duyệt cho vay đến 50 triệu đồng đối với hộ gia đình thuộc hộ nghèo, người dân tộc thiểu số đi làm việc ở nước ngoài | Như trên | Như trên | Như trên |
| 19 | 2.000923 | Thủ tục thẩm định, phê duyệt cho vay trên 50 triệu đồng đối với hộ gia đình thuộc hộ nghèo, người dân tộc thiểu số đi làm việc ở nước ngoài | Như trên | Như trên | Như trên |

Phần B

NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC GIẢI QUYẾT CÔNG VIỆC THUỘC THẨM QUYỀN CỦA NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI

1. Thủ tục vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh (*Doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh*)

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1. Người vay:

- Lập Dự án vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm (*Mẫu số 2 ban hành kèm theo Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23/9/2019 của Chính phủ*) có xác nhận của UBND cấp xã;

- Nộp Dự án vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm và các giấy tờ khác trong Hồ sơ vay vốn cho Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) nơi thực hiện thủ tục.

Bước 2. NHCSXH nơi thực hiện thủ tục:

- Kiểm tra, đối chiếu tính đầy đủ, hợp pháp, hợp lệ của đối tượng vay vốn, hồ sơ vay vốn, đồng thời lập Báo cáo thẩm định (*Mẫu số 05a/GQVL*) trình Trưởng phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ tín dụng/Tổ trưởng Kế hoạch - Nghiệp vụ kiểm soát, sau đó trình cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt hồ sơ vay vốn;

- Nếu không phê duyệt cho vay thì NHCSXH nơi thực hiện thủ tục thông báo từ chối cho vay (*Mẫu số 04a/GQVL*) ghi rõ lý do từ chối gửi đến khách hàng vay vốn;

- NHCSXH nơi thực hiện thủ tục cùng khách hàng vay vốn lập Hợp đồng tín dụng (*Mẫu số 07a/GQVL*); lập Hợp đồng bảo đảm tiền vay và thực hiện các biện pháp bảo đảm tiền vay theo quy định của pháp luật và theo quy định của NHCSXH (nếu có).

b) Cách thức thực hiện: Người vay nộp hồ sơ vay vốn trực tiếp tại NHCSXH nơi thực hiện thủ tục.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: 02 bộ (*01 bộ lưu NHCSXH nơi thực hiện thủ tục, 01 bộ lưu người vay sau khi được phê duyệt cho vay*);

- Dự án vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm (*Mẫu số 2 ban hành kèm theo Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23/9/2019 của Chính phủ*): 02 bản chính;

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (*đối với Doanh nghiệp nhỏ và vừa*); Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (*đối với hợp tác xã*); Hợp đồng hợp tác (*đối với Tổ hợp tác*) Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh (*đối với Hộ kinh doanh*): 02 bản sao có chứng thực hoặc bản sao từ sổ gốc do cơ quan có thẩm quyền cấp;

- Văn bản ủy quyền của các thành viên ủy quyền cho người đại diện thực hiện các giao dịch liên quan đến vay vốn tại NHCSXH (*đối với Tổ hợp tác và*

Hộ kinh doanh có từ hai thành viên trở lên) được công chứng hoặc chứng thực của UBND cấp xã: 02 bản chính;

- Đối với Cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động là người khuyết tật: Quyết định về việc công nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội cấp: 02 bản sao có chứng thực hoặc bản sao từ sổ gốc do cơ quan có thẩm quyền cấp;

- Đối với Cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động là người dân tộc thiểu số:

+ Danh sách lao động là người dân tộc thiểu số: 02 bản chính;

+ Giấy chứng minh nhân dân hoặc sổ hộ khẩu hoặc sổ tạm trú của người lao động theo danh sách: 02 bản sao/01 người lao động;

+ Hợp đồng lao động hoặc quyết định tuyển dụng của những người lao động trong danh sách: 02 bản sao;

- Đối với Cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động là người khuyết tật và người dân tộc thiểu số:

+ Danh sách lao động là người khuyết tật và người dân tộc thiểu số: 02 bản chính;

+ Giấy xác nhận khuyết tật của người lao động là người khuyết tật do UBND cấp xã cấp: 02 bản sao/01 người lao động;

+ Giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu hoặc sổ hộ khẩu hoặc sổ tạm trú của những người lao động là người dân tộc thiểu số: 02 bản sao/01 người lao động;

+ Hợp đồng lao động hoặc quyết định tuyển dụng của những người lao động trong danh sách: 02 bản sao/01 người lao động;

- Giấy tờ chứng minh về tài sản bảo đảm tiền vay (nếu có): 01 bản chính.

d) Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày NHCSXH nơi thực hiện thủ tục nhận được bộ hồ sơ đầy đủ, hợp lệ từ người vay vốn (trường hợp cấp có thẩm quyền phê duyệt là Giám đốc NHCSXH nơi thực hiện thủ tục);

- Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày NHCSXH nơi thực hiện thủ tục nhận được bộ hồ sơ đầy đủ, hợp lệ từ người vay vốn (trường hợp cấp có thẩm quyền phê duyệt là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi thực hiện dự án, Thủ tướng cơ quan cấp tỉnh của tổ chức thực hiện chương trình).

đ) Đối tượng thực hiện TTGQCV: Cá nhân, Tổ chức.

e) Cơ quan giải quyết TTGQCV: NHCSXH nơi thực hiện thủ tục;

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: NHCSXH nơi thực hiện thủ tục hoặc Cơ quan cấp tỉnh của tổ chức thực hiện chương trình hoặc UBND cấp huyện nơi thực hiện dự án;

- Cơ quan phối hợp: UBND cấp xã.

g) Kết quả thực hiện TTGQCV:

- Hợp đồng tín dụng (Mẫu số 07a/GQVL);

- Hoạch Thông báo từ chối cho vay (Mẫu số 04a/GQVL).

h) Phí, lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Dự án vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm (Mẫu số 2).

k) Yêu cầu điều kiện thực hiện TTGQCV:

- Cơ sở sản xuất, kinh doanh được thành lập và hoạt động hợp pháp;

- Có dự án vay vốn khả thi tại địa phương, phù hợp với ngành, nghề sản xuất kinh doanh, duy trì hoặc thu hút thêm lao động vào làm việc ổn định;

- Dự án vay vốn có xác nhận của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền nơi thực hiện dự án;

- Có bảo đảm tiền vay theo quy định của pháp luật đối với dự án vay vốn từ 100 triệu đồng trở lên.

l) Căn cứ pháp lý của TTGQCV:

- Luật Việc làm số 38/2013/QH13 ngày 16/11/2013 của Quốc hội;

- Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

- Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;

- Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23/9/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;

- Văn bản số 8055/NHCS-TDSV ngày 30/10/2019 của Tổng Giám đốc NHCSXH hướng dẫn nghiệp vụ cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ ÁN VAY VỐN
HỖ TRỢ TẠO VIỆC LÀM, DUY TRÌ VÀ MỞ RỘNG VIỆC LÀM

Kính gửi: Ngân hàng Chính sách xã hội.....

I. THÔNG TIN VỀ CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH

- 1. Tên Doanh nghiệp/Hợp tác xã/Tổ hợp tác/Hộ kinh doanh:
- 2. Địa chỉ trụ sở chính:
- 3. Điện thoại: Fax:
- 4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh số:
Ngày cấp: Cơ quan cấp:
- Hoặc hợp đồng hợp tác số:
- 5. Họ và tên người đại diện: Chức vụ:
- Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân số:
- Ngày cấp: Nơi cấp:
- Quyết định bổ nhiệm số: Ngày: Do: quyết định
- Hoặc giấy ủy quyền số: Ngày: Do: ủy quyền
- 6. Mã số thuế:
- 7. Vốn điều lệ/Vốn góp/Vốn tự có: đồng

II. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ TÌNH HÌNH SỬ DỤNG LAO ĐỘNG

- 1. Kết quả sản xuất kinh doanh của 02 năm trước thời điểm vay vốn (nếu có)
- Năm:

 - Tổng doanh thu: đồng
 - Tổng chi phí: đồng
 - Thuế: đồng
 - Lợi nhuận: ... đồng

- Năm:

 - Tổng doanh thu: ... đồng
 - Tổng chi phí: đồng

- Thuế: đồng

- Lợi nhuận: đồng

2. Tình hình sử dụng lao động

Tổng số lao động hiện có: người, trong đó:

- Lao động nữ (nếu có): người

- Lao động là người khuyết tật (nếu có): người

- Lao động là người dân tộc thiểu số (nếu có): người

III. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN VÀ NHU CẦU VAY VỐN

1. Tên dự án:

Nơi thực hiện dự án:

2. Nội dung dự án

a) Hiện trạng

- Văn phòng/chỉ nhánh/cửa hàng kinh doanh (địa chỉ, diện tích):

.....

- Nhà xưởng, kho bãi (số lượng, diện tích, tình trạng hoạt động, địa chỉ): ..

.....

- Trang thiết bị, máy móc (số lượng, giá trị, tình trạng hoạt động):

.....

b) Dự án phát triển sản xuất, kinh doanh

- Mở rộng, cải tạo nhà xưởng, kho bãi:

+ Diện tích mở rộng, cải tạo:

+ Chi phí mở rộng, cải tạo:

- Đầu tư trang thiết bị:

+ Máy móc, thiết bị (chủng loại, số lượng, giá trị):

+ Phương tiện (chủng loại, số lượng, giá trị):

- Đầu tư vốn lưu động: Vật tư, nguyên, nhiên liệu, hàng hóa, dịch vụ (chủng loại, số lượng, giá trị):

c) Phương án sử dụng lao động.

Tổng số lao động: người, trong đó:

- Số người lao động được tạo việc làm (nếu có): người, trong đó:

+ Lao động nữ (nếu có): người

- + Lao động là người khuyết tật (nếu có): người
- + Lao động là người dân tộc thiểu số (nếu có): người.
- Số người lao động được duy trì và mở rộng việc làm: ... người, trong đó:
- + Lao động nữ (nếu có): người
- + Lao động là người khuyết tật (nếu có): người
- + Lao động là người dân tộc thiểu số (nếu có): người

d) Hiệu quả kinh tế của dự án vay vốn

- Tổng doanh thu:đồng
- Tổng chi phí:đồng
- Lợi nhuận:đồng

đ) Thời điểm bắt đầu thực hiện dự án: tháng .. năm

3. Tổng nguồn vốn thực hiện dự án: đồng, trong đó:

- Vốn tự có: đồng

Đề nghị Ngân hàng cho vay số tiền:đồng

(*Bằng chữ:*)

để dùng vào việc:

4. Thời hạn vay: .. tháng

5. Nguồn tiền trả nợ ngân hàng

- Khấu hao tài sản từ vốn vay:đồng
- Khấu hao tài sản từ nguồn vốn tự có: đồng
- Lợi nhuận từ dự án và các nguồn khác: đồng
- Dự kiến tổng số tiền trả nợ một năm là: đồng

6. Trả gốc: Trả lãi theo:

7. Tài sản bảo đảm tiền vay (nếu có)

| STT | TÊN TÀI SẢN | SỐ LƯỢNG | GIÁ TRỊ ƯỚC TÍNH (đồng) | GIẤY TỜ VỀ TÀI SẢN |
|-----|-------------|----------|-------------------------|--------------------|
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |

Tôi xin cam kết sử dụng vốn vay đúng mục đích, trả nợ gốc và lãi đúng thời hạn, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

**XÁC NHẬN CỦA UBND XÃ, PHƯỜNG,
THỊ TRẤN**

Cơ sở sản xuất, kinh doanh:.....

.....

Có dự án được thực hiện tại địa phương./.

..., ngày ... tháng ... năm ...

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

..., ngày ... tháng ... năm ...

NGƯỜI ĐẠI DIỆN

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)



2. Thủ tục vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm đối với người lao động vay trực tiếp tại trụ sở NHCSXH nơi thực hiện thủ tục.

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1. Người vay:

- Viết Giấy đề nghị vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm (*Mẫu số 1a ban hành kèm theo Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23/9/2019 của Chính phủ*);

- Nộp giấy đề nghị vay vốn và các giấy tờ khác trong Hồ sơ vay vốn cho NHCSXH nơi thực hiện thủ tục.

Bước 2. NHCSXH nơi thực hiện thủ tục:

- Kiểm tra, đối chiếu tính đầy đủ, hợp pháp, hợp lệ của đối tượng vay vốn, hồ sơ vay vốn, đồng thời lập Báo cáo thẩm định (*Mẫu số 05b/GQVL*) trình Trưởng phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ tín dụng/Tổ trưởng Kế hoạch - Nghiệp vụ kiểm soát, sau đó trình cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt hồ sơ vay vốn;

- Nếu không phê duyệt cho vay, NHCSXH nơi thực hiện thủ tục thông báo từ chối cho vay (*Mẫu số 04a/GQVL*) ghi rõ lý do từ chối gửi đến khách hàng vay vốn;

- NHCSXH nơi thực hiện thủ tục cùng khách hàng vay vốn lập Hợp đồng tín dụng (*Mẫu số 07b/GQVL*).

b) Cách thức thực hiện: Người vay nộp hồ sơ vay vốn trực tiếp tại NHCSXH nơi thực hiện thủ tục.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Giấy đề nghị vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm (*Mẫu số 1a ban hành kèm theo Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23/9/2019 của Chính phủ*): 02 bản chính (01 bản lưu NHCSXH nơi thực hiện thủ tục, 01 bản lưu người vay);

- Giấy xác nhận người thuộc hộ gia đình bị thiệt hại do sự cố môi trường biển (*Mẫu số 1 ban hành kèm theo công văn số 1918/LĐTĐ-BXK-VL ngày 18/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội*): 01 bản sao (lưu NHCSXH nơi thực hiện thủ tục) (nếu có)

- Quyết định thu hồi đất của cấp có thẩm quyền: 01 bản sao có chứng thực hoặc bản sao từ sổ gốc do cơ quan có thẩm quyền cấp (lưu NHCSXH nơi thực hiện thủ tục) (nếu có)

d) Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày NHCSXH nơi thực hiện thủ tục nhận được bộ hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện TTGQCV: Cá nhân.

e) Cơ quan giải quyết TTGQCV: NHCSXH nơi thực hiện thủ tục; 

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cơ quan cấp tỉnh của tổ chức thực hiện chương trình nơi thực hiện dự án;

- Cơ quan phối hợp: UBND cấp xã.

g) Kết quả thực hiện TTGQCV:

- Hợp đồng tín dụng (Mẫu số 07b/GQVL);

- Hoạch Thông báo từ chối cho vay (Mẫu số 04a/GQVL).

h) Phí, lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm (Mẫu số 1a);

k) Yêu cầu điều kiện thực hiện TTGQCV:

- Người lao động có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;

- Có nhu cầu vay vốn để tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm, có xác nhận của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền nơi thực hiện dự án;

- Cư trú hợp pháp tại địa phương nơi thực hiện dự án;

- Có Quyết định thu hồi đất với thời hạn trong vòng 5 năm kể từ ngày có Quyết định thu hồi đất đối với trường hợp người vay bị thu hồi đất;

- Đối với người vay thuộc hộ gia đình bị thiệt hại do sự cố môi trường biển:

+ Địa phương áp dụng: Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế;

+ Thuộc hộ gia đình có cá nhân có tên trong danh sách bị thiệt hại do sự cố môi trường biển được Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt.

- Hội người mù cấp huyện tiếp nhận hồ sơ vay vốn đối với người vay vốn thuộc nguồn vốn do Hội người mù quản lý.

l) Căn cứ pháp lý của TTGQCV:

- Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội;

- Luật Việc làm số 38/2013/QH13 ngày 16/11/2013 của Quốc hội;

- Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

- Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;

- Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23/9/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;

- Quyết định số 63/2015/QĐ-TTg ngày 10/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người lao động bị thu hồi đất;

- Quyết định số 12/QĐ-TTg ngày 06/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Đề án “Xác định thiệt hại, thực hiện bồi thường, hỗ trợ; khôi phục sản xuất và đảm bảo an sinh xã hội cho người dân bị ảnh hưởng do sự cố môi trường biển tại 04 tỉnh Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên Huế”;

- Công văn số 2687/LĐTĐ-BHXH-VL ngày 30/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo nghề nghiệp, hỗ trợ tạo việc làm và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng theo Quyết định số 12/QĐ-TTg ngày 06/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ;


- Văn bản số 1918/LĐTĐ-BHXH-VL ngày 18/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo nghề nghiệp, hỗ trợ tạo việc làm và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng;

- Văn bản số 329/NHCS-TDSV ngày 03/02/2016 của Tổng Giám đốc NHCSXH hướng dẫn nghiệp vụ cho vay hỗ trợ đào tạo nghề và giải quyết việc làm đối với người lao động bị thu hồi đất theo Quyết định số 63/2015/QĐ-TTg ngày 10/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

- Văn bản số 3137/NHCS-TDSV ngày 10/7/2017 của Tổng Giám đốc NHCSXH hướng dẫn thực hiện cho vay hỗ trợ đào tạo nghề và giải quyết việc làm đối với người dân bị ảnh hưởng do sự cố môi trường biển;

- Văn bản số 61/NHCS-TDSV ngày 10/01/2018 của Tổng Giám đốc NHCSXH về việc sửa đổi, bổ sung một số điểm văn bản số 3137/NHCS-TDSV ngày 10/7/2017 của Tổng Giám đốc;

- Văn bản số 2630/NHCS-TDSV ngày 08/6/2018 của Tổng Giám đốc NHCSXH về việc sửa đổi, bổ sung một số điểm văn bản số 3137/NHCS-TDSV ngày 10/7/2017 của Tổng Giám đốc;

- Văn bản số 8055/NHCS-TDSV ngày 30/10/2019 của Tổng Giám đốc NHCSXH hướng dẫn nghiệp vụ cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm. 

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY ĐỀ NGHỊ VAY VỐN
HỖ TRỢ TẠO VIỆC LÀM, DUY TRÌ VÀ MỞ RỘNG VIỆC LÀM**
(Cho vay trực tiếp người lao động)

Kính gửi: Ngân hàng Chính sách xã hội

Họ và tên: Ngày, tháng, năm sinh:/...../.....

Dân tộc: Giới tính:

Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân số:

Ngày cấp: Nơi cấp:

Nơi cư trú:.....

Điện thoại:

Thuộc đối tượng ưu tiên (nếu có):

- Người khuyết tật

- Người dân tộc thiểu số đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn

Tôi có nhu cầu vay vốn từ Quỹ quốc gia về việc làm để thực hiện dự án:

.....
.....

Nơi thực hiện dự án:

.....

Số người lao động được tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm: ... người, trong đó:

- Lao động nữ (nếu có): người

- Lao động là người khuyết tật (nếu có): người


- Lao động là người dân tộc thiểu số (nếu có): người

Vốn thực hiện dự án: đồng, trong đó:

- Vốn tự có: đồng

Đề nghị Ngân hàng cho vay số tiền: đồng

(*Bằng chữ:*)

để dùng vào việc:, cụ thể như sau: 

| STT | MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG VỐN VAY | SỐ LƯỢNG | THÀNH TIỀN (đồng) |
|-----|-----------------------------|----------|----------------------|
| | | | |
| | | | |
| | | | |

Thời hạn vay: tháng Trả gốc: Trả lãi:

Tôi cam kết sử dụng vốn vay đúng mục đích, trả nợ gốc và lãi đúng thời hạn, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật./.


**XÁC NHẬN CỦA UBND XÃ, PHƯỜNG,
THỊ TRẤN**

..., ngày ... tháng ... năm
NGƯỜI ĐỀ NGHỊ VAY VỐN
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ông/bà:
Hiện đang cư trú hợp pháp tại địa phương.
Thuộc đối tượng ưu tiên (nếu có)
.....(1)

..., ngày ... tháng ... năm ...
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- (1) Ủy ban nhân dân cấp xã ghi rõ đối tượng ưu tiên (nếu có):
- Người dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn
- Người khuyết tật 

3. Thủ tục vay vốn trực tiếp người lao động để hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm có ủy thác một số nội dung công việc trong quy trình cho vay cho các tổ chức chính trị - xã hội thông qua Tổ Tiết kiệm và vay vốn

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1. Người vay:

- Viết Giấy đề nghị vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm” (Mẫu số 1a ban hành kèm theo Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23/9/2019 của Chính phủ);

- Nộp giấy đề nghị vay vốn và các giấy tờ khác trong Hồ sơ vay vốn cho NHCSXH nơi thực hiện thủ tục.

Bước 2. Ban quản lý Tổ TK&VV:

- Hợp Tổ bổ sung tổ viên, bình xét cho vay (Mẫu số 10C/TD);

- Kiểm tra các yếu tố trên hồ sơ vay vốn, lập Danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn NHCSXH (Mẫu số 03/TD) và gửi kèm Giấy đề nghị vay vốn (Mẫu số 1a) của các tổ viên trình UBND cấp xã xác nhận;

- Gửi bộ hồ sơ vay vốn tới NHCSXH nơi thực hiện thủ tục sau khi có xác nhận của UBND cấp xã trên Danh sách (Mẫu số 03/TD) và Giấy đề nghị vay vốn (Mẫu số 1a).

Bước 3. NHCSXH nơi thực hiện thủ tục:

- Kiểm tra, đối chiếu tính đầy đủ, hợp pháp, hợp lệ của đối tượng vay vốn, hồ sơ vay vốn, trình Trưởng phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ tín dụng/Tổ trưởng Kế hoạch - Nghiệp vụ kiểm soát, sau đó trình cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt hồ sơ vay vốn;

- Nếu không phê duyệt cho vay, NHCSXH nơi thực hiện thủ tục thông báo từ chối cho vay (Mẫu số 04a/GQVL) ghi rõ lý do từ chối gửi đến khách hàng vay vốn;

- NHCSXH nơi thực hiện thủ tục cùng khách hàng vay vốn lập Hợp đồng tín dụng (Mẫu số 07b/GQVL);

- NHCSXH nơi thực hiện thủ tục thông báo kết quả phê duyệt cho vay (Mẫu số 04/TD) gửi người vay.

b) Cách thức thực hiện:

Người vay nộp hồ sơ vay vốn trực tiếp cho Ban quản lý Tổ TK&VV nơi người vay cư trú hợp pháp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Giấy đề nghị vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm (Mẫu số 1a ban hành kèm theo Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23/9/2019 của Chính phủ): 02 bản chính (01 bản lưu NHCSXH nơi thực hiện thủ tục, 01 bản lưu người vay);

- Giấy xác nhận người thuộc hộ gia đình bị thiệt hại do sự cố môi trường biển (Mẫu số 1 ban hành kèm theo công văn số 1918/LĐTĐBXK-VL ngày 18/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội): 01 bản sao (lưu NHCSXH nơi thực hiện thủ tục) (nếu có)

- Quyết định thu hồi đất với thời hạn trong vòng 5 năm kể từ ngày có Quyết định thu hồi đất: 01 bản sao có chứng thực hoặc bản sao từ sổ gốc do cơ quan có thẩm quyền cấp (lưu NHCSXH nơi thực hiện thủ tục) (nếu có)

d) Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày NHCSXH nơi thực hiện thủ tục nhận được bộ hồ sơ đầy đủ, hợp lệ từ người vay vốn (trong trường hợp cấp có thẩm quyền phê duyệt là Giám đốc NHCSXH nơi thực hiện thủ tục);

- Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày NHCSXH nơi thực hiện thủ tục nhận được bộ hồ sơ đầy đủ, hợp lệ từ người vay vốn (trong trường hợp cấp có thẩm quyền phê duyệt là Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện nơi thực hiện dự án, Thủ tướng cơ quan cấp tỉnh của tổ chức thực hiện chương trình).

đ) Đối tượng thực hiện TTGQCV: Cá nhân

e) Cơ quan giải quyết TTGQCV: NHCSXH nơi thực hiện thủ tục;

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: NHCSXH nơi thực hiện thủ tục hoặc Cơ quan của tổ chức thực hiện chương trình cấp tỉnh hoặc UBND cấp huyện nơi thực hiện thủ tục;

- Cơ quan phối hợp: UBND, các tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác cấp xã và Ban quản lý Tô TK&VV, Trưởng thôn.

g) Kết quả thực hiện TTGQCV:

- Thông báo kết quả phê duyệt cho vay (Mẫu số 04/TĐ), Hợp đồng tín dụng (Mẫu số 07b/GQVL);

- Hoặc Thông báo từ chối cho vay (Mẫu số 04a/GQVL).

h) Phí, lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm (Mẫu số 1a).

k) Yêu cầu điều kiện thực hiện TTGQCV:

- Người lao động có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;

- Có nhu cầu vay vốn để tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm, có xác nhận của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền nơi thực hiện dự án;

- Cư trú hợp pháp tại địa phương nơi thực hiện dự án.

- Có Quyết định thu hồi đất với thời hạn trong vòng 5 năm kể từ ngày có Quyết định thu hồi đất đối với trường hợp người vay bị thu hồi đất.

- Đối với người vay thuộc hộ gia đình bị thiệt hại do sự cố môi trường biển:

+ Địa phương áp dụng: Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế;

+ Thuộc hộ gia đình có cá nhân có tên trong danh sách bị thiệt hại do sự cố môi trường biển được Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt.

I) Căn cứ pháp lý của TTGQCV:

- Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội;

- Luật Việc làm số 38/2013/QH13 ngày 16/11/2013 của Quốc hội;

- Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

- Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;

- Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23/9/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;

- Quyết định số 63/2015/QĐ-TTg ngày 10/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người lao động bị thu hồi đất;

- Quyết định số 12/QĐ-TTg ngày 06/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án “Xác định thiệt hại, thực hiện bồi thường, hỗ trợ; khôi phục sản xuất và đảm bảo an sinh xã hội cho người dân bị ảnh hưởng do sự cố môi trường biển tại 04 tỉnh Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên Huế”;

- Công văn số 2687/LĐTBXH-VL ngày 30/6/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo nghề nghiệp, hỗ trợ tạo việc làm và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo Hợp đồng theo Quyết định số 12/QĐ-TTg ngày 06/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ;


- Văn bản số 1918/LĐTBXH-VL ngày 18/5/2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo nghề nghiệp, hỗ trợ tạo việc làm và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng;

- Văn bản số 329/NHCS-TDSV ngày 03/02/2016 của Tổng Giám đốc NHCSXH hướng dẫn nghiệp vụ cho vay hỗ trợ đào tạo nghề và giải quyết việc làm đối với người lao động bị thu hồi đất theo Quyết định số 63/2015/QĐ-TTg ngày 10/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ;

- Văn bản số 3137/NHCS-TDSV ngày 10/7/2017 của Tổng Giám đốc NHCSXH hướng dẫn thực hiện cho vay hỗ trợ đào tạo nghề và giải quyết việc làm đối với người dân bị ảnh hưởng do sự cố môi trường biển”;

- Văn bản số 61/NHCS-TDSV ngày 10/01/2018 của Tổng Giám đốc NHCSXH về việc sửa đổi, bổ sung một số điểm văn bản số 3137/NHCS-TDSV ngày 10/7/2017 của Tổng Giám đốc;

- Văn bản số 2630/NHCS-TDSV ngày 08/6/2018 của Tổng Giám đốc NHCSXH về việc sửa đổi, bổ sung một số điểm văn bản số 3137/NHCS-TDSV ngày 10/7/2017 của Tổng Giám đốc;

- Văn bản số 8055/NHCS-TDSV ngày 30/10/2019 của Tổng Giám đốc NHCSXH hướng dẫn nghiệp vụ cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm. 

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY ĐỀ NGHỊ VAY VỐN
HỖ TRỢ TẠO VIỆC LÀM, DUY TRÌ VÀ MỞ RỘNG VIỆC LÀM
(Cho vay trực tiếp người lao động)**

Kính gửi: Ngân hàng Chính sách xã hội

Họ và tên: Ngày, tháng, năm sinh:/...../.....

Dân tộc: Giới tính:

Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân số:

Ngày cấp: Nơi cấp:

Nơi cư trú:.....

Điện thoại:

Thuộc đối tượng ưu tiên (nếu có):

- Người khuyết tật

- Người dân tộc thiểu số đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn

Tôi có nhu cầu vay vốn từ Quỹ quốc gia về việc làm để thực hiện dự án:

.....

.....

Nơi thực hiện dự án:

.....

Số người lao động được tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm: ... người, trong đó:

- Lao động nữ (nếu có): người

- Lao động là người khuyết tật (nếu có): người


- Lao động là người dân tộc thiểu số (nếu có): người

Vốn thực hiện dự án: đồng, trong đó:

- Vốn tự có: đồng

Đề nghị Ngân hàng cho vay số tiền: đồng

(Bằng chữ:))

để dùng vào việc:, cụ thể như sau: 

| STT | MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG VỐN VAY | SỐ LƯỢNG | THÀNH TIỀN (đồng) |
|-----|-----------------------------|----------|----------------------|
| | | | |
| | | | |
| | | | |

Thời hạn vay: tháng Trả gốc: Trả lãi:

Tôi cam kết sử dụng vốn vay đúng mục đích, trả nợ gốc và lãi đúng thời hạn, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

**XÁC NHẬN CỦA UBND XÃ, PHƯỜNG,
THỊ TRẤN**

Ông/bà:

Hiện đang cư trú hợp pháp tại địa phương.

Thuộc đối tượng ưu tiên (nếu có)

.....(1)

..., ngày ... tháng ... năm
NGƯỜI ĐỀ NGHỊ VAY VỐN
(Ký và ghi rõ họ tên)

..., ngày ... tháng ... năm ...
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Ủy ban nhân dân cấp xã ghi rõ đối tượng ưu tiên (nếu có):

- Người dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn
- Người khuyết tật



4. Thủ tục điều chỉnh kỳ hạn trả nợ đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh (Doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh)

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1. Người vay:

Lập Giấy đề nghị điều chỉnh kỳ hạn trả nợ (Mẫu số 08/GQVL) gửi NHCSXH nơi thực hiện thủ tục.

Bước 2. NHCSXH nơi thực hiện thủ tục:

- Kiểm tra, trình Giám đốc NHCSXH nơi thực hiện thủ tục phê duyệt:

+ Nếu được điều chỉnh kỳ hạn trả nợ: phê duyệt trên Giấy đề nghị điều chỉnh kỳ hạn trả nợ (Mẫu số 08/GQVL);

+ Nếu không được điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, NHCSXH nơi thực hiện thủ tục thực hiện chuyển nợ quá hạn kỳ đó và gửi cho người vay bằng Thông báo chuyển nợ quá hạn (Mẫu số 14/GQVL).

b) Cách thức thực hiện:

Người vay nộp hồ sơ điều chỉnh kỳ hạn trả nợ trực tiếp tại NHCSXH nơi thực hiện thủ tục.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

Giấy đề nghị điều chỉnh kỳ hạn trả nợ (Mẫu số 08/GQVL): 01 bản chính (lưu NHCSXH nơi thực hiện thủ tục).

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày NHCSXH nơi thực hiện thủ tục nhận được bộ hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện TTGQCV: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan giải quyết TTGQCV: NHCSXH nơi thực hiện thủ tục.

g) Kết quả thực hiện TTGQCV:

- Giấy đề nghị điều chỉnh kỳ hạn trả nợ (Mẫu số 08/GQVL);

- Hoặc Thông báo chuyển nợ quá hạn (Mẫu số 14/GQVL).

h) Phí, lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Giấy đề nghị điều chỉnh kỳ hạn trả nợ (Mẫu số 08/GQVL).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTGQCV:

- Đã vay vốn tại NHCSXH nơi thực hiện thủ tục để tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm;

- Người vay không trả được nợ theo đúng kỳ hạn trả nợ đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng do nguyên nhân khách quan và có nhu cầu xin điều chỉnh kỳ hạn trả nợ;

- Hồ sơ điều chỉnh kỳ hạn trả nợ phải gửi đến NHCSXH nơi thực hiện thủ tục trước 05 ngày đến hạn theo từng kỳ trả nợ.


l) Căn cứ pháp lý của TTGQCV: 

- Luật Việc làm số 38/2013/QH13 ngày 16/11/2013 của Quốc hội;

- Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

- Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;

- Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23/9/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;

- Văn bản số 8055/NHCS-TDSV ngày 30/10/2019 của Tổng Giám đốc NHCSXH hướng dẫn nghiệp vụ cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm. 



GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH KỲ HẠN TRẢ NỢ

Kính gửi: Chi nhánh NHCSXH (tỉnh, TP)/Phòng giao dịch NHCSXH (quận, huyện).....

Tên cơ sở sản xuất, kinh doanh:.....

Địa chỉ trụ sở chính :.....; Điện thoại liên hệ:.....

Họ và tên người đại diện hoặc được ủy quyền vay vốn:.....

Ông (bà).....Chức vụ.....

Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân số:.....

Ngày cấp.....nơi cấp.....

Đã vay tại Chi nhánh NHCSXH (tỉnh, TP)/Phòng giao dịch NHCSXH (quận, huyện).....

Số tiền: (Bằng chữ:.....)

Theo Hợp đồng tín dụng số.....ngày...../...../.....

Số tiền đến hạn trả nợ gốc kể từ ngày/...../..... là đồng.

Số tiền nợ gốc chưa trả được là đồng.

Vì lý do:.....

.....

.....

Đề nghị Chi nhánh NHCSXH (tỉnh, TP)/Phòng giao dịch NHCSXH (quận, huyện).....

cho phép cơ sở sản xuất, kinh doanh được kéo dài thời

hạn trả khoản nợ gốc trên đến ngày..... thángnăm.....

Chúng tôi xin cam kết trả nợ đúng hạn trên./.

Ngày.....tháng....năm.....

Khách hàng vay vốn

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có))

PHÊ DUYỆT CỦA NHCSXH

- Số tiền được điều chỉnh kỳ hạn là

- Thời gian điều chỉnh đến ngày/...../.....

Ngày.....tháng....năm.....

**CÁN BỘ
TÍN DỤNG**
(Ký, ghi rõ họ tên)

**TRƯỞNG PHÒNG KH-NVTD
(TỔ TRƯỞNG KH-NV)**
(Ký, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

5. Thủ tục gia hạn nợ đối với người lao động và cơ sở sản xuất, kinh doanh (Doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh) vay trực tiếp.

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1. Người vay:

Lập Giấy đề nghị gia hạn nợ (Mẫu số 09a/GQVL đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh; Mẫu số 09b/GQVL đối với người lao động).

Bước 2. NHCSXH nơi thực hiện thủ tục:

- Kiểm tra, trình Giám đốc NHCSXH nơi thực hiện thủ tục phê duyệt:

+ Nếu được gia hạn nợ: phê duyệt trên Giấy đề nghị gia hạn nợ (Mẫu số 09a/GQVL hoặc 09b/GQVL);

+ Nếu không được gia hạn nợ, NHCSXH nơi thực hiện thủ tục thực hiện chuyển nợ quá hạn và gửi cho người vay hoặc người được ủy quyền Thông báo chuyển nợ quá hạn (Mẫu số 14/GQVL)

b) Cách thức thực hiện:

Người vay nộp hồ sơ vay vốn trực tiếp tới NHCSXH nơi thực hiện thủ tục.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh: Giấy đề nghị gia hạn nợ (Mẫu số 09a/GQVL): 01 bản chính (lưu NHCSXH nơi thực hiện thủ tục);

- Đối với người lao động: Giấy đề nghị gia hạn nợ (Mẫu số 09b/GQVL): 01 bản chính (lưu NHCSXH nơi thực hiện thủ tục).

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày NHCSXH nơi thực hiện thủ tục nhận được bộ hồ sơ đầy đủ, hợp lệ từ người vay vốn.

đ) Đối tượng thực hiện TTGQCV: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan giải quyết TTGQCV: NHCSXH nơi thực hiện thủ tục.

g) Kết quả thực hiện TTGQCV:

- Giấy đề nghị gia hạn nợ (Mẫu số 09a/GQVL hoặc 09b/GQVL);

- Hoặc Thông báo chuyển nợ quá hạn (Mẫu số 14/GQVL).


h) Phí, lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Giấy đề nghị gia hạn nợ (Mẫu số 09a/GQVL) đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh;

- Giấy đề nghị gia hạn nợ (Mẫu số 09b/GQVL) đối với người lao động.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTGQCV:

+ Người vay có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; 

- + Có Giấy đề nghị gia hạn nợ gửi NHCSXH nơi thực hiện thủ tục;
- + Đã vay vốn tại NHCSXH nơi thực hiện thủ tục để tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm;
- + Đến hạn trả nợ cuối cùng, người vay không trả được nợ do nguyên nhân khách quan và có nhu cầu xin gia hạn nợ;
- + Hồ sơ gia hạn nợ phải gửi đến NHCSXH nơi thực hiện thủ tục trước 05 ngày đến hạn trả nợ.

I) Căn cứ pháp lý của TTGQCV:

- Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội;
- Luật Việc làm số 38/2013/QH13 ngày 16/11/2013 của Quốc hội;
- Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;
- Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;
- Quyết định số 63/2015/QĐ-TTg ngày 10/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người lao động bị thu hồi đất;
- Quyết định số 12/QĐ-TTg ngày 06/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Xác định thiệt hại, thực hiện bồi thường, hỗ trợ, khôi phục sản xuất và đảm bảo an sinh xã hội cho người dân bị ảnh hưởng do sự cố môi trường biển tại 04 tỉnh Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên Huế”;
- Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23/9/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;
- Văn bản số 3137/NHCS-TDSV ngày 10/7/2017 của Tổng Giám đốc NHCSXH hướng dẫn thực hiện cho vay hỗ trợ đào tạo nghề và giải quyết việc làm đối với người dân bị ảnh hưởng do sự cố môi trường biển”;
- Văn bản số 61/NHCS-TDSV ngày 10/01/2018 của Tổng Giám đốc NHCSXH về việc sửa đổi, bổ sung một số điểm văn bản số 3137/NHCS-TDSV ngày 10/7/2017 của Tổng Giám đốc;
- Văn bản số 2630/NHCS-TDSV ngày 08/6/2018 của Tổng Giám đốc NHCSXH về việc sửa đổi, bổ sung một số điểm văn bản số 3137/NHCS-TDSV ngày 10/7/2017 của Tổng Giám đốc.
- Văn bản số 8055/NHCS-TDSV ngày 30/10/2019 của Tổng Giám đốc NHCSXH hướng dẫn nghiệp vụ cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm.





GIẤY ĐỀ NGHỊ GIA HẠN NỢ

Kính gửi: Chi nhánh NHCSXH (tỉnh, TP)/Phòng giao dịch NHCSXH
(quận, huyện).....

Tên cơ sở sản xuất, kinh doanh:.....

Địa chỉ trụ sở chính :.....; Điện thoại liên hệ:.....

Họ và tên người đại diện hoặc được ủy quyền vay vốn.....

Ông (bà).....Chức vụ.....

Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân số:.....

Ngày cấp.....nơi cấp.....

Theo Hợp đồng tín dụng số.....ngày.....tháng.....năm....., chúng tôi

đã được Chi nhánh NHCSXH (tỉnh, TP)/Phòng giao dịch NHCSXH (quận, huyện)

.....cho vay số tiền làđồng.

- Hạn phải trả vào ngày tháng năm.....

- Số tiền nợ gốc đã trảđồng.

- Số tiền nợ gốc chưa trả.....đồng.

Lý do chậm trả:.....

.....

Đề nghị Chi nhánh NHCSXH (tỉnh, TP)/Phòng giao dịch NHCSXH (quận, huyện)

.....cho gia hạn số nợ gốc nêu trên đến ngày . . tháng . năm

Chúng tôi xin cam kết trả nợ đúng hạn trên./.

Ngày.....tháng....năm.....

Khách hàng vay vốn

(Ký, ghi rõ họ tên đóng dấu (nếu có))

PHẦN PHÊ DUYỆT CỦA NHCSXH

- Số tiền được gia hạn nợ gốc là

- Thời gian gia hạn nợ :.....tháng . Hạn trả nợ cuối cùng đến ngày /..... /.....

Ngày.....tháng.....năm.....

CÁN BỘ
TÍN DỤNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG PHÒNG KH-NVTD
(TỔ TRƯỞNG KH-NV)
(Ký, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu) 



GIẤY ĐỀ NGHỊ GIA HẠN NỢ

Kính gửi: Chi nhánh NHCSXH (tỉnh, TP)/Phòng giao dịch NHCSXH
(quận, huyện).....

Họ và tên người vay
vốn:.....

Ngày, tháng, năm sinh:...../...../.....Dân tộc:.....Giới tính:

Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân số:.....

Ngày cấp.....nơi cấp.....

Nơi cư trú:

Theo Hợp đồng tín dụng số.....ngày.....tháng.....năm...tôi đã được Chi
nhánh NHCSXH (tỉnh, TP)/Phòng giao dịch NHCSXH(quận, huyện).....

..... cho vay số tiền là đồng.

- Hạn phải trả vào ngày tháng năm

- Số tiền nợ gốc đã trả đồng.

- Số tiền nợ gốc chưa trả..... đồng.

Lý do chậm trả:.....

.....

Đề nghị Chi nhánh NHCSXH (tỉnh, TP)/Phòng giao dịch NHCSXH(quận,
huyện).....cho gia hạn số nợ gốc nêu trên đến ngày . . tháng . . năm

Tôi xin cam kết trả nợ đúng hạn trên./.

Ngày.....tháng....năm.....

Người vay vốn

(Ký, ghi rõ họ tên)

PHẦN PHÊ DUYỆT CỦA NHCSXH

- Số tiền được gia hạn nợ gốc là

- Thời gian gia hạn nợ :.....tháng . Hạn trả nợ cuối cùng đến ngày .../...../.....

Ngày.....tháng.....năm.....

CÁN BỘ

TÍN DỤNG


(Ký, ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG PHÒNG KH-NVTD

(TỔ TRƯỞNG KH-NV)

(Ký, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu) 

6. Thủ tục cho vay người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1. Người vay:

- Viết Giấy đề nghị vay vốn đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (Mẫu số 01/LĐNN) có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã .

- Nộp giấy đề nghị vay vốn và các giấy tờ khác trong Hồ sơ vay vốn cho Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) nơi thực hiện thủ tục.

Bước 2. NHCSXH nơi thực hiện thủ tục:

- Kiểm tra, đối chiếu, thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp, hợp lệ của đối tượng vay vốn, hồ sơ vay vốn, đồng thời lập Báo cáo thẩm định (Mẫu số 02/LĐNN) trình Trưởng phòng Kế hoạch - nghiệp vụ (Tổ trưởng Kế hoạch – Nghiệp vụ Tín dụng) kiểm soát, sau đó trình Giám đốc xem xét phê duyệt hồ sơ vay vốn.

+ Nếu không phê duyệt cho vay, NHCSXH nơi thực hiện thủ tục thông báo từ chối cho vay (Mẫu số 04a/LĐNN) ghi rõ lý do từ chối gửi đến khách hàng vay vốn.

+ Nếu phê duyệt cho vay, NHCSXH nơi thực hiện thủ tục gửi thông báo kết quả phê duyệt cho vay (Mẫu 04/LĐNN) đến khách hàng vay vốn.

- NHCSXH nơi thực hiện thủ tục cùng khách hàng vay vốn lập Hợp đồng tín dụng (Mẫu số 05/LĐNN); lập Hợp đồng bảo đảm tiền vay và thực hiện các biện pháp bảo đảm tiền vay theo quy định của pháp luật và theo quy định của NHCSXH (nếu có).

b) Cách thức thực hiện:

Người vay nộp hồ sơ vay vốn trực tiếp tới NHCSXH nơi thực hiện thủ tục.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Người vay kê khai:

+ Giấy đề nghị vay vốn đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (Mẫu số 01/LĐNN): 01 bản chính (lưu tại NHCSXH nơi thực hiện thủ tục).

- Các giấy tờ có liên quan người vay nộp:

+ Chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân: 01 bản sao chứng thực (lưu tại NHCSXH nơi thực hiện thủ tục);

+ Sổ hộ khẩu hoặc sổ tạm trú: 01 bản sao chứng thực (lưu tại NHCSXH nơi thực hiện thủ tục);

+ Hộ chiếu còn thời hạn của người vay: 01 bản sao chứng thực (lưu tại NHCSXH nơi thực hiện thủ tục);

+ Hợp đồng ký kết giữa người vay với Doanh nghiệp đưa người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài: 01 bản sao chứng thực (lưu tại NHCSXH nơi thực hiện thủ tục);

+ Văn bản ủy quyền của người vay (Mẫu số 03/LĐNN): 03 bản chính (01 bản lưu NHCSXH nơi thực hiện thủ tục, 01 bản lưu người ủy quyền và 01 bản lưu người nhận ủy quyền);

+ Hợp đồng thỏa thuận về việc chuyển tiền lương của người vay để trả nợ, lãi tiền vay (Mẫu số 07/LĐNN) đối với người lao động được Doanh nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng quản lý tiền lương: 01 bản chính (lưu tại NHCSXH nơi thực hiện thủ tục);

+ Giấy xác nhận thân nhân người có công với cách mạng (Mẫu số 4- Ban hành theo Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23/9/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm): 01 bản sao chứng thực (lưu tại NHCSXH nơi thực hiện thủ tục)(nếu có);

+ Quyết định thu hồi đất của cấp có thẩm quyền: 01 bản sao chứng thực (lưu tại NHCSXH nơi thực hiện thủ tục) (nếu có);

- Giấy xác nhận người thuộc hộ gia đình bị thiệt hại do sự cố môi trường biển (Mẫu số 1 ban hành kèm theo công văn số 1918/LĐTĐ-VL ngày 18/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội): 01 bản sao (lưu NHCSXH nơi thực hiện thủ tục) (nếu có)

+ Hồ sơ bảo đảm tiền vay theo quy định của pháp luật và của NHCSXH: bản chính (nếu có).

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày NHCSXH nơi thực hiện thủ tục nhận được bộ hồ sơ đầy đủ, hợp lệ từ người vay vốn.

đ) Đối tượng thực hiện TTGQCV: Cá nhân.

e) Cơ quan giải quyết TTGQCV: NHCSXH nơi thực hiện thủ tục.

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: NHCSXH.

- Cơ quan phối hợp: Ủy ban nhân dân.

g) Kết quả thực hiện TTGQCV:

- Hợp đồng tín dụng (Mẫu số 05/LĐNN);

- Hoạch Thông báo từ chối cho vay (Mẫu số 04a/LĐNN).

h) Phí, lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

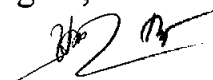
Giấy đề nghị vay vốn đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (Mẫu số 01/LĐNN).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTGQCV:

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;

- Cư trú hợp pháp tại địa phương;

- Có nhu cầu vay vốn để đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, đã ký kết hợp đồng với doanh nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài;



- Người vay không cư trú tại các huyện nghèo vay vốn từ 100 triệu đồng trở lên phải có tài sản bảo đảm tiền vay theo quy định của pháp luật và NHCSXH;

- Người vay thuộc các đối tượng sau:

+ Người lao động là người dân tộc thiểu số;

+ Người lao động thuộc hộ nghèo theo chuẩn nghèo được Thủ tướng Chính phủ quy định từng thời kỳ;

+ Người lao động thuộc hộ cận nghèo theo chuẩn cận nghèo được Thủ tướng Chính phủ quy định từng thời kỳ;

+ Người lao động là thân nhân của người có công với cách mạng, được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận theo Mẫu số 4 ban hành kèm theo Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23/9/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;

+ Người lao động bị thu hồi đất có Quyết định thu hồi đất trong vòng 5 năm kể từ ngày có Quyết định thu hồi đất, bao gồm:

(i) Người lao động thuộc hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp đã được Nhà nước giao đất nông nghiệp theo quy định (trừ trường hợp hộ gia đình, cá nhân là cán bộ, công nhân viên của nông trường quốc doanh, lâm trường quốc doanh đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp) khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp mà được bồi thường bằng tiền đối với diện tích đất nông nghiệp thu hồi;

(ii) Người lao động thuộc hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất ở kết hợp kinh doanh, dịch vụ mà phải di chuyển chỗ ở;

+ Người lao động có hộ khẩu thường trú từ đủ 12 tháng trở lên tại các huyện nghèo, được phía nước ngoài chấp nhận vào làm việc và đã ký hợp đồng với Doanh nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài.

+ Đối với người vay thuộc hộ gia đình bị thiệt hại do sự cố môi trường biển:

(i) Địa phương áp dụng: Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế;

(ii) Thuộc hộ gia đình có cá nhân có tên trong danh sách bị thiệt hại do sự cố môi trường biển được Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt.

I) Căn cứ pháp lý của TTGQCV:

- Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội;

- Luật Việc làm số 38/2013/QH13 ngày 16/11/2013 của Quốc Hội;

- Luật người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng số 72/2006/QH11 ngày 29/11/2006 của Quốc hội;

- Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

- Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ về quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và quỹ quốc gia về việc làm;

- Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23/9/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;

- Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 29/12/2008 của Chính phủ về chương trình giảm nghèo nhanh, bền vững đối với 61 huyện nghèo;

- Quyết định số 63/2015/QĐ-TTg ngày 10/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người lao động bị thu hồi đất;

- Quyết định số 27/2019/QĐ-TTg ngày 09/9/2019 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với người lao động tại huyện nghèo đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng đến năm 2020;

- Quyết định số 12/QĐ-TTg ngày 06/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án “Xác định thiệt hại, thực hiện bồi thường, hỗ trợ, khôi phục sản xuất và đảm bảo an sinh xã hội cho người dân bị ảnh hưởng do sự cố môi trường biển tại 04 tỉnh Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên Huế”;

- Văn bản số 1918/LĐTBXH-VL ngày 18/5/2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo nghề nghiệp, hỗ trợ tạo việc làm và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng;

- Văn bản số 3048/NHCS-TDNN ngày 07/7/2017 của Tổng Giám đốc NHCSXH về việc bổ sung đối tượng khách hàng vay vốn đi làm việc ở nước ngoài theo Hợp đồng;

- Văn bản số 2547/NHCS-TDNN ngày 07/6/2018 của Tổng Giám đốc NHCSXH về việc sửa đổi, thay thế một số điểm văn bản số 3048/NHCS-TDNN;

- Văn bản số 3768/NHCS-TDSV ngày 28/8/2018 của Tổng Giám đốc NHCSXH hướng dẫn thực hiện bảo đảm tiền vay trong hệ thống NHCSXH;

- Văn bản số 7886/NHCS-TDNN ngày 24/10/2019 của Tổng Giám đốc NHCSXH hướng dẫn nghiệp vụ cho vay đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúcGIẤY ĐỀ NGHỊ VAY VỐN
ĐI LÀM VIỆC Ở NƯỚC NGOÀI THEO HỢP ĐỒNG

Kính gửi: Ngân hàng Chính sách xã hội

Họ và tên:.....Ngày, tháng, năm sinh:...../...../.....

Dân tộc: Giới tính:

Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân số:

Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:

Hộ khẩu thường trú:.....

Địa chỉ hiện tại:

Điện thoại:

Thuộc đối tượng:

- Người lao động là thành viên hộ nghèo
- Người lao động là thành viên hộ cận nghèo
- Người lao động là người dân tộc thiểu số
- Người lao động là thân nhân người có công với cách mạng
- Người lao động thuộc hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất
- Người thường trú tại huyện nghèo ⁽¹⁾

Tôi có nhu cầu vay vốn để chi trả các khoản chi phí đi làm việc ở nước ngoài được ghi trên hợp đồng số tại quốc gia/vùng lãnh thổ ký ngày/...../.....với (doanh nghiệp dịch vụ, tổ chức sự nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài).....

(2)

địa chỉ trong thời hạn tháng.

Đề nghị Ngân hàng cho vay số tiền: đồng.

(Bằng chữ:

Thời hạn vay: tháng, Định kỳ hạn trả nợ gốc: tháng/kỳ.

Trả lãi:

Tài sản dùng để bảo đảm tiền vay (nếu có):



| STT | TÊN TÀI SẢN | SỐ LƯỢNG | GIÁ TRỊ ƯỚC TÍNH (Đồng) | GIẤY TỜ VỀ TÀI SẢN |
|-----|-------------|----------|-------------------------|--------------------|
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |

Tôi cam kết sử dụng vốn vay đúng mục đích, trả nợ gốc và lãi đúng thời hạn, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

**XÁC NHẬN CỦA UBND XÃ, PHƯỜNG,
THỊ TRẤN**

....., ngày tháng ... năm ...
NGƯỜI ĐỀ NGHỊ VAY VỐN
(Ký, ghi rõ họ và tên)

Ông/bà:

hiện đang⁽³⁾

.....
thuộc đối tượng⁽⁴⁾

.....
trong danh sách UBND xã quản lý./.

....., ngày tháng năm

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Trường hợp người vay là thành viên hộ nghèo, người dân tộc thiểu số thường trú hợp pháp tại huyện nghèo 30a thì tích tại các ô người thường trú ở huyện nghèo, đồng thời tích vào ô hộ nghèo hoặc Dân tộc thiểu số, nếu là người lao động thường trú tại huyện nghèo 30a không phải là thành viên hộ nghèo, người dân tộc thiểu số thì chỉ tích tại ô người thường trú tại huyện nghèo.
- (2) Ghi đầy đủ tên của Doanh nghiệp đưa người đi lao động làm việc ở nước ngoài (bao gồm cả tên viết tắt).
- (3) Đối với lao động tại huyện nghèo đề nghị UBND cấp xã xác nhận rõ người lao động có hộ khẩu thường trú của từ đủ 12 tháng trở lên. Các đối tượng còn lại xác nhận ghi rõ cư trú hợp pháp tại địa phương.
- (4) Đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận rõ đối tượng vay vốn thuộc diện hộ nghèo/hộ cận nghèo/hộ đồng bào dân tộc thiểu số/thân nhân người có công với cách mạng/người thuộc hộ gia đình bị thu hồi đất. Riêng đối với lao động thuộc huyện nghèo cần ghi rõ là hộ nghèo hoặc người dân tộc thiểu số hoặc người lao động khác thường trú tại huyện nghèo.



7. Thủ tục điều chỉnh kỳ hạn trả nợ đối người vay vốn không thuộc huyện nghèo đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng lao động.

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1. Người vay hoặc người được ủy quyền:

Lập Giấy đề nghị điều chỉnh kỳ hạn trả nợ (Mẫu số 08/LĐNN) gửi NHCSXH nơi thực hiện thủ tục.

Bước 2. NHCSXH nơi thực hiện thủ tục:

Kiểm tra, trình Giám đốc NHCSXH nơi thực hiện thủ tục phê duyệt:

- Nếu được điều chỉnh kỳ hạn trả nợ: phê duyệt trên Giấy đề nghị điều chỉnh kỳ hạn trả nợ (Mẫu số 08/LĐNN);

- Nếu không được điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, NHCSXH nơi thực hiện thủ tục thực hiện chuyển nợ quá hạn kỳ đó và gửi cho người vay hoặc người được ủy quyền Thông báo chuyển nợ quá hạn (Mẫu số 11/LĐNN).

b) Cách thức thực hiện:

Người vay hoặc người được ủy quyền nộp hồ sơ điều chỉnh kỳ hạn trả nợ trực tiếp tại NHCSXH nơi thực hiện thủ tục.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

Giấy đề nghị điều chỉnh kỳ hạn trả nợ (Mẫu số 08/LĐNN): 01 bản chính (Lưu NHCSXH nơi thực hiện thủ tục).

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày NHCSXH nơi thực hiện thủ tục nhận được bộ hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện TTGQCV: Cá nhân.

e) Cơ quan giải quyết TTGQCV: NHCSXH nơi thực hiện thủ tục.

g) Kết quả thực hiện TTGQCV:

- Giấy đề nghị điều chỉnh kỳ hạn trả nợ (Mẫu số 08/LĐNN);

- Hoặc Thông báo chuyển nợ quá hạn (Mẫu số 11/LĐNN).

h) Phí, lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Giấy đề nghị điều chỉnh kỳ hạn trả nợ (Mẫu số 08/LĐNN).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTGQCV:

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;

- Cư trú hợp pháp tại địa phương;

- Người vay không cư trú tại huyện nghèo theo quy định của Chính phủ;

- Đã vay vốn NHCSXH nơi thực hiện thủ tục để đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, đã ký kết hợp đồng với Doanh nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài.

- Người vay không trả được nợ do nguyên nhân khách quan và có nhu cầu xin điều chỉnh kỳ hạn trả nợ;

- Hồ sơ điều chỉnh kỳ hạn trả nợ phải gửi đến NHCSXH nơi thực hiện thủ tục trước 05 ngày đến hạn theo từng kỳ trả nợ.

I) Căn cứ pháp lý của TTGQCV:

- Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội;

- Luật Việc làm số 38/2013/QH13 ngày 16/11/2013 của Quốc Hội;

- Luật người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng số 72/2006/QH11 ngày 29/11/2006 của Quốc hội;

- Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

- Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ về quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và quỹ quốc gia về việc làm;

- Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23/9/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;

- Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 29/12/2008 của Chính phủ về chương trình giảm nghèo nhanh, bền vững đối với 61 huyện nghèo;

- Quyết định số 63/2015/QĐ-TTg ngày 10/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người lao động bị thu hồi đất;

- Quyết định số 27/2019/QĐ-TTg ngày 09/9/2019 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với người lao động tại huyện nghèo đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng đến năm 2020;

- Văn bản số 7886/NHCS-TDNN ngày 24/10/2019 của Tổng Giám đốc NHCSXH hướng dẫn nghiệp vụ cho vay đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH KỲ HẠN TRẢ NỢ

Kính gửi: Chi nhánh /Phòng giao dịch NHCSXH

Họ và tên người vay vốn/người được ủy quyền:.....

Ngày, tháng, năm sinh:...../...../..... Dân tộc:..... Giới tính:

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu:; ngày cấp/...../.....

Nơi cấp

Nơi cư trú:

Theo Hợp đồng tín dụng số ngày tháng..... năm,

tôi đã được Chi nhánh/Phòng giao dịch NHCSXH.....

cho vay số tiền là đồng

(Bằng chữ:))

Số tiền đến hạn trả nợ gốc là: đồng.

Ngày đến hạn: ngày..... tháng năm

Số tiền nợ gốc chưa trả được là đồng.

Vì lý do:.....

.....

Đề nghị Chi nhánh/Phòng giao dịch NHCSXH

cho phép tôi được kéo dài thời hạn trả khoản nợ gốc nêu trên đến ngày.....

tháng năm.....

Tôi xin cam kết trả đúng hạn trên./.

Ngày tháng năm

Ý kiến nhận xét của cán bộ tín dụng

Người vay vốn hoặc

được ủy quyền

(Ký, ghi rõ họ tên)

.....

.....

(Ký, ghi rõ họ tên)

PHÊ DUYỆT CỦA NHCSXH

- Số tiền được điều chỉnh kỳ hạn là

- Thời gian điều chỉnh đến ngày/...../.....

**TRƯỞNG PHÒNG KẾ HOẠCH – NGHIỆP VỤ HOẶC
TỔ TRƯỞNG TỔ KẾ HOẠCH – NGHIỆP VỤ TÍN DỤNG**

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày..... tháng.....năm.....

GIÁM ĐỐC

(Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú: Giấy đề nghị điều chỉnh kỳ hạn trả nợ do khách hàng vay vốn hoặc người được ủy quyền lập để gửi cho NHCSXH

8. Thủ tục gia hạn nợ đối với người vay vốn đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1. Người vay hoặc người được ủy quyền:

Lập Giấy đề nghị gia hạn nợ (Mẫu số 09/LĐNN) gửi NHCSXH nơi thực hiện thủ tục.

Bước 2. NHCSXH nơi thực hiện thủ tục:

Kiểm tra, trình Giám đốc NHCSXH nơi thực hiện thủ tục phê duyệt:

- Nếu được gia hạn nợ: phê duyệt trên Giấy đề nghị gia hạn nợ (Mẫu số 09/LĐNN);

- Nếu không được gia hạn nợ, NHCSXH nơi thực hiện thủ tục thực hiện chuyển nợ quá hạn và gửi cho người vay hoặc người được ủy quyền Thông báo chuyển nợ quá hạn (Mẫu số 11/LĐNN).

b) Cách thức thực hiện:

Người vay hoặc người được ủy quyền nộp hồ sơ gia hạn nợ trực tiếp tại NHCSXH nơi thực hiện thủ tục.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

Giấy đề nghị gia hạn nợ (Mẫu số 09/LĐNN): 01 bản chính (Lưu NHCSXH nơi thực hiện thủ tục).

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày NHCSXH nơi thực hiện thủ tục nhận được bộ hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện TTGQCV: Cá nhân.

e) Cơ quan giải quyết TTGQCV: NHCSXH nơi thực hiện thủ tục.

g) Kết quả thực hiện TTGQCV:

- Giấy đề nghị gia hạn nợ (Mẫu số 09/LĐNN);

- Hoặc Thông báo chuyển nợ quá hạn (Mẫu số 11/LĐNN).

h) Phí, lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Giấy đề nghị gia hạn nợ (Mẫu số 09/LĐNN);

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTGQCV:

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;

- Cư trú hợp pháp tại địa phương;

- Đã vay vốn NHCSXH nơi thực hiện thủ tục để đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, đã ký kết hợp đồng với Doanh nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài;

- Đến hạn trả nợ cuối cùng, người vay không trả được nợ do nguyên nhân khách quan và có nhu cầu xin gia hạn nợ;

- Hồ sơ xin gia hạn trả nợ phải gửi đến NHCSXH nơi thực hiện thủ tục trước 05 ngày đến hạn trả nợ cuối cùng.

l) Căn cứ pháp lý của TTGQCV:

- Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội;

- Luật Việc làm số 38/2013/QH13 ngày 16/11/2013 của Quốc Hội;

- Luật người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng số 72/2006/QH11 ngày 29/11/2006 của Quốc hội;

- Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

- Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ về quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và quỹ quốc gia về việc làm;

- Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23/9/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;

- Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 29/12/2008 của Chính phủ về chương trình giảm nghèo nhanh, bền vững đối với 61 huyện nghèo;

- Quyết định số 63/2015/QĐ-TTg ngày 10/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người lao động bị thu hồi đất;

- Quyết định số 27/2019/QĐ-TTg ngày 09/9/2019 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với người lao động tại huyện nghèo đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng đến năm 2020;

- Văn bản số 7886/NHCS-TDNN ngày 24/10/2019 của Tổng Giám đốc NHCSXH hướng dẫn nghiệp vụ cho vay đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ GIA HẠN NỢ

Kính gửi: Chi nhánh /Phòng giao dịch NHCSXH

Họ và tên người vay vốn/người được ủy quyền.....

Ngày, tháng, năm sinh:...../...../..... Dân tộc:..... Giới tính:

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu:; ngày cấp/...../.....

Nơi cấp

Nơi cư trú:

Theo Hợp đồng tín dụng số ngày..... tháng năm,

tôi đã được Chi nhánh/Phòng giao dịch NHCSXH

cho vay số tiền là đồng

(Bằng chữ:))

Số tiền đến hạn trả nợ gốc là: đồng.

Ngày đến hạn trả nợ cuối cùng là ngày tháng năm

Số tiền nợ gốc chưa trả được là đồng.

Vì lý do:.....

.....

Đề nghị Chi nhánh/Phòng giao dịch NHCSXH

cho gia hạn số dư nợ gốc nêu trên đến ngày tháng năm

Tôi xin cam kết trả nợ đúng hạn trên./.

Ngày tháng năm.....

Ý kiến nhận xét của cán bộ tín dụng

Người vay vốn hoặc
người được ủy quyền

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

PHÊ DUYỆT CỦA NHCSXH

- Số tiền được gia hạn nợ gốc là đồng.

- Thời gian gia hạn nợ :.....tháng . Hạn trả nợ cuối cùng đến ngày/...../.....

TRƯỞNG PHÒNG KẾ HOẠCH-NGHIỆP VỤ HOẶC TÒ
TRƯỞNG TÒ KẾ HOẠCH-NGHIỆP VỤ TÍN DỤNG

(Ký, ghi rõ họ tên)

..., Ngày..... tháng..... năm....

GIÁM ĐỐC

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú: Giấy đề nghị gia hạn nợ do khách hàng vay vốn hoặc người được ủy quyền lập gửi cho NHCSXH